

DÒNG HỌ VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIA ĐÌNH VÀ DÒNG HỌ Ở NGƯỜI THÁI

ĐỖ THÚY BÌNH

Ở dân tộc Thái, thành viên của mỗi gia đình lớn trước đây sau khi được tách ra theo các gia đình nhỏ vẫn còn giữ lại sự gắn bó chặt chẽ không chỉ trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, đời sống, mà một thời gian dài bảo lưu nhiều cái chung trong nhiều mặt của đời sống văn hóa tinh thần. Hiển nhiên là việc bảo lưu những mối quan hệ họ hàng chặt chẽ này được ước định bởi truyền thống của nếp sống gia đình phụ hệ và bởi sự cư trú quây quần mật tập của những người anh em và đàn con cháu họ. Nhóm những gia đình có họ hàng thân thuộc mà địa bàn cư trú thường là kề cận nhau tạo thành một đơn vị những gia đình thân thuộc trong bản cùng mang một tên tộc danh (họ) chung. Mỗi bản thường có một hoặc hai họ lớn được coi là họ gốc. Sống trong cùng một bản ở người Thái thành viên của họ lớn hợp thành một nhóm thân tộc gọi là *ai nong* (trong tiếng Thái *ai* có nghĩa cha và anh, còn *nong* có nghĩa là em). Xung quanh họ này lại có nhiều họ khác nhỏ hơn có mối quan hệ dâu gia với họ lớn. ở người Thái Tây Bắc nhóm những gia đình thân tộc này có một tên gọi chung là *dăm* còn ở người Thái vùng Thanh Hóa - Nghệ Tĩnh nó có tên là *quài xê*. *Dăm* hay *quài xê* là một tập thể con cháu 5-7 đời của một ông tổ và vợ con của những người đó. Hạt nhân của nó là những thành viên nam giới, cháu đến đời thứ 5 hay 7 (*dăm* qui định phải 7 đời còn *quài xê* chỉ 5 đời) của một ông tổ sinh ra họ. Gắn bó chặt chẽ với những người này là nàng dâu, vợ của họ. Những thành viên gái cùng thế hệ với các thành viên nam không thuộc về tập thể đó, chỉ được tạm thời chấp nhận khi chưa lấy chồng.

Dăm hay *quài xê* phù hợp với một hình thức tổ chức xã hội mà trong dân tộc học gọi

là *tông tộc* hay dòng họ. Hiểu được đặc trưng của nhóm (tổ chức này) là cần thiết bởi nếu không biết được những đặc điểm cơ bản cũng như cung cách hoạt động của nó chúng ta sẽ không hiểu được nhiều đặc trưng cơ bản của nếp sống gia đình.

Theo ý kiến của M.O. Kôsven - một nhà dân tộc học nổi tiếng của Liên Xô cũ thì "Tông tộc là một nhóm những gia đình lớn hoặc nhỏ, được hình thành do sự phân chia hay phân tán của một công xã gia đình phụ hệ, song vẫn bảo lưu ở mức độ này hay kia sự thống nhất về kinh tế, xã hội và tinh thần và có một tên tộc danh chung, được hình thành từ chính cái tên của người đứng đầu gia đình vừa phân chia" (1). Nói một cách khác tông tộc là nhóm các gia đình lớn hay nhỏ, được hình thành do sự phân chia của một gia đình lớn và song song với quá trình này là sự phân rã của thị tộc phụ hệ. Ở đây có thể thấy được sự mâu thuẫn trong quan điểm của Kôsven. Bởi vì, theo ông thì tông tộc hình thành do sự phân chia của một gia đình lớn, nhưng thị tộc thì không hình thành, và không thể hình thành từ gia đình. Trong khi đó tông tộc là tập hợp các gia đình, còn thị tộc như Ph.Ăngghen đã nhận định thì không thể tạo thành từ các gia đình.

Vấn đề tông tộc đã là đầu đề của những tranh cãi lớn giữa các nhà khoa học của Liên Xô cũ vào cuối những năm 60 nhất là về sự tương quan của tổ chức tông tộc và thị tộc.

Ngắn gọn và có trọng lượng nhất có thể khái lược về cuộc tranh luận và kết quả của nó được chứa đựng trong bài báo của nhà khoa học Liên Xô cũ A.I. Pershic. Kết luận chính ông đưa ra là tông tộc về mặt nguồn gốc không liên quan gì tới thị tộc (2). Không sa đà vào việc đi sâu tìm hiểu nội dung tranh

cải, chúng tôi chỉ muốn đưa ra ở đây sự đồng tình với quan điểm của tiến sĩ sử học - nhà dân tộc học Liên Xô cũ - M.V. Krjukov hiểu tông tộc là dòng họ (3).

Cũng cần thấy rằng việc phân biệt được thế nào là tổ chức thị tộc là tông tộc là rất cần thiết về mặt lý thuyết nói chung và từ đó lấy cơ sở để hiểu được tổ chức dòng họ ở xã hội Thái nói riêng. Tất nhiên là ở dân tộc nào cũng vậy, ngay từ xưa và cho đến tận hôm nay dòng họ bao giờ cũng có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống của các gia đình - thành viên của nó. Ảnh hưởng này đặc biệt rõ nét ở người Thái, đó cũng chính là lý do hướng chúng tôi trình bày kỹ hơn về tổ chức dòng họ cũng như chức năng hoạt động của nó ở phần viết này.

Như đã nói, ở người Thái, *dăm* tạo thành bản. Những bản có từ lâu đời thường là những bản mà cư dân đều là những người có quan hệ họ hàng với nhau. Ở người Thái đen có những bản gồm toàn những người họ hàng của một *dăm* (ví dụ như bản Phiêng Ngừa chỉ toàn họ hàng của tông tộc Lò, bản Ca - tông tộc Li, còn ở bản Co - những người thuộc tông tộc Lò chiếm đến 2/3 số dân của bản). Những bản bao gồm những người thuộc cùng một tông tộc như vậy vẫn còn tồn tại đến tận ngày nay, nói chính xác hơn những tông tộc gồm một số các nóc nhà. Còn ở người Thái ở vùng Quý Châu Nghệ An tông tộc có thể có từ hai đến 15 gia đình gồm cả gia đình lớn lẫn gia đình nhỏ (4).

Để so sánh chúng ta có thể thấy ở người Tày, Nùng phổ biến là bản được cấu thành từ những gia đình phụ quyền thuộc các dòng họ khác nhau. Bản ít cũng 2-3 họ; bản lớn - trên dưới 10 họ. Ví dụ như ở xã Đại Đồng huyện Tràng Định tỉnh Lạng Sơn, bản Mạ của người Nùng có 26 hộ trong đó có: họ Hà (11 hộ), họ Hoàng (5 hộ) họ Vi (2 hộ), họ Lâm (1 hộ) và họ Mã (1 hộ). Bản Pò Bó người Tày có 72 hộ thì: họ Lương chiếm 36 hộ, họ Nông - 11 hộ, họ Hoàng - 6 hộ v.v... (5). Những ví dụ trên cho thấy bức tranh phổ biến ở các bản Tày, Nùng dù lớn hay nhỏ, bản nào cũng có 1 hoặc 2 dòng họ lớn chiếm ưu thế, có uy tín và ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội trong bản. Những dòng họ lớn trong bản thường là những họ có công khai phá đất đai, thành lập bản và đương nhiên ruộng đất tốt thường ở

trong tay những họ đó.

Bên cạnh những bản cư dân đều thuộc một dòng họ còn có những bản gồm những cư dân thuộc vài dòng họ cùng sinh sống. Những bản loại này hiện nay phổ biến khắp vùng Thái Tây Bắc cũng như vùng miền núi Bắc Trung Bộ.

Do cư trú gần nhau, các thành viên trong dòng họ có nhiệm vụ giúp đỡ nhau trong lúc gặp khó khăn, đói kém, hoạn nạn. Sự giúp đỡ này được xem là lẽ đương nhiên. Gia đình nào có việc hiếu hỷ, làm nhà v.v... cả họ đều tập trung làm giúp. Khi một thành viên trong họ qua đời, tất cả mọi người đều lo tang lễ, đóng góp đồ diếu phúng, thực phẩm...

Mỗi một *dăm* có người đứng đầu gọi là *cốc dăm* (ở người Thái đen) hoặc *ai cốc* (ở người Thái trắng), là người lãnh đạo mọi mặt đời sống của các thành viên trong *dăm*. Địa vị trưởng họ được thừa kế theo luật tục. Ở Quý Châu, Nghệ An theo nguyên tắc, trưởng họ phải là con trai trưởng của ngành trưởng. Gia đình trưởng họ là gia đình có uy tín nhất trong tông tộc. Chỉ khi gia đình đó không có con trai, chức trưởng họ mới chuyển sang gia đình khác. Ở đây cũng cần lưu ý là ở người Thái Tây Bắc chức vụ trưởng *dăm* được trao truyền không phải từ người cha cho con trai cả mà là từ anh trai cho em trai. Chỉ khi nào người em trai chết chức vụ này lại trao lại cho người con trai trưởng của người anh cả v.v... Song, trật tự kế thừa chức vụ trưởng *dăm* rõ ràng đi ngược lại với nguyên tắc kế thừa trong gia đình: bởi vì sau khi người đứng đầu gia đình mất đi, thì người con trai cả sẽ thay vị trí ông ta. Chỉ có người con trai cả mới được thừa kế từ người cha thanh gươm thiêng của dòng họ và chỗ ninh xôi của gia đình (6). Có lẽ, trong nguyên tắc kế thừa mang tính nghịch lý này cũng bao hàm cả tư tưởng "bồi thường" về mặt tinh thần, nói chung trong trường hợp này sự kiện ấy chỉ mang tính nửa vời. Trưởng họ là người chủ trì nghi lễ tổ sáng lập ra dòng họ, trông nom nhà thờ họ, triệu tập hội nghị tông tộc, giải quyết mọi xích mích giữa các thành viên trong họ cũng như các công việc về các mặt kinh tế xã hội trong dòng họ, giữ địa đồ về ruộng đất, rừng núi, nương đồi, soi bãi thuộc quyền sở hữu của cả dòng họ, chịu trách nhiệm trước luật pháp về quyền sở hữu các

bất động sản, phân chia đất đai canh tác cho các gia đình, chủ trì các công việc có liên quan tới cưới xin ly hôn, phạt vạ v.v...

Trong hầu khắp các *châu mường* ở Tây Bắc, trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, loại ruộng công *ná háng mường* tức là ruộng của toàn mường chiếm toàn bộ trong vùng. Tình hình tương tự cũng thấy ở người Thái Bắc Trung Bộ. Hình thức sở hữu ruộng đất bao trùm ở vùng này là sở hữu ruộng đất của dòng họ. Ruộng đất của từng tông tộc được ghi lại rõ ràng ở trong sổ đất của chính quyền phong kiến do người chủ họ đứng tên. Mỗi tông tộc nắm chắc số lượng, vị trí ruộng đất, đất rừng, bãi của mình thành địa đồ, có con dấu riêng và giao cho trưởng họ giữ (7).

Trên những thửa "ruộng toàn mường", "chủ" của nó chỉ có quyền sử dụng chứ không có quyền sở hữu, chỉ có quyền mang cầm cố chứ không có quyền bán đất. Sau khi đã chia cho các gia đình, trưởng họ mang sổ ruộng còn lại giao lại cho những người ngoài dòng họ không có đất để canh tác. Những người này phải nộp tô lao dịch, phải đi phu, đi lính thay cho những người trong tông tộc. Nếu không làm tròn nghĩa vụ những người này sẽ bị đòi lại ruộng đất. Ở vùng Thái Tây Bắc "ruộng toàn mường" còn chứa đựng những ruộng gốc không phải của người Thái. Trước khi xảy ra những đợt thiên di của các ngành Thái vào Tây Bắc thì tại các vùng thung lũng đã có các cư dân sinh sống bằng ruộng nước. Chẳng hạn ruộng ở thung lũng Mường Lay, Mường Tè vốn là của tổ tiên các dân tộc thuộc hệ ngôn ngữ Tạng-Miến gần gũi với người Hà Nhì hiện nay. Hoặc có rất nhiều khu ruộng lại được người Thái gọi là *ruộng xá* (*na xá*). Đó chính là ruộng của các cư dân xưa thuộc hệ ngôn ngữ khác đã khai phá (8). Ở vùng Thái Quý Châu Nghệ An, các gia đình đã mang cầm cố sổ ruộng tông tộc chia cho thì không có quyền đòi chia nữa và chỉ khi nào không có ai trong tông tộc có nhu cầu cầm cố thì mới được giao cho người ngoài. Thời gian cầm ruộng là vô thời hạn, lúc nào có tiền thì chuộc lại, không chỉ người mang đi cầm cố mới có quyền chuộc mà bất kỳ người nào cùng tông tộc với người cầm cố đều có quyền chuộc lại (9).

Ở người Thái miền Tây Nghệ An các gia đình có quyền bán đứt ruộng đất. Quyết định

bán đất là quyền của hội nghị toàn tông tộc. Tiền bán đất chỉ được dùng vào công việc chung, đặc biệt cho lễ thờ đằm vài năm tổ chức một lần, hoặc đem chia cho các gia đình. Thủ tục bán đất chặt chẽ, có văn tự, người mua người bán ký tên và có chứng thực của chính quyền. Đất soi bãi ven sông suối cũng thuộc về từng đằm, người thuộc đằm khác không được tự do đến vỡ hoang. Trước đây, những vùng đất thấp dễ khai phá còn có nhiều trưởng đằm đã tổ chức những buổi vỡ hoang ruộng cho toàn họ. Sau này đất đai ngày một hiếm hoi việc khai hoang khó khăn hơn, trên những diện tích hẹp hơn, nên chỉ có từng gia đình tiếp tục đi vỡ hoang. Ruộng đất do gia đình khai phá thuộc quyền quản lý của gia đình, khác với ruộng đất của tông tộc chia cho. Tuy vậy, gia đình vẫn không có quyền bán đất, chỉ được quyền tự do mang cầm mà không cần hỏi ý kiến ai. Sau này kinh tế tiền tệ phát triển, đây là mầm mống của chế độ ruộng tư.

Biểu hiện tập trung nhất về mối quan hệ tinh thần trong dòng họ là ý thức về ông tổ chung. Nó được thể hiện ở chỗ mỗi tông tộc có một cuốn gia phả được trao cho trưởng họ gìn giữ. Trong gia phả có ghi rõ, tên tuổi, vợ cùng con cái do ông ta sinh ra. Gia phả được giữ cẩn thận. Khi phân chia tông tộc, trưởng họ mới mang gia phả sao chép lại, rồi ghi tiếp sự phát triển của tông tộc mình. Nhờ vậy, người ta có thể biết rõ quan hệ huyết thống giữa các thành viên trong một tập thể rộng lớn hơn tông tộc.

Mỗi một tông tộc có nhà thờ họ của tông tộc mình. Ở vùng Quý Châu Nghệ An hàng năm cúng ở nhà thờ chỉ có hai dịp: Tết nguyên đán và ngày lễ cơm mới vào ngày 12 tháng 9 âm lịch. Nhà thờ họ thường gần nhà trưởng họ và do trưởng họ trông nom. Đến nay nhà thờ họ không còn thấy nữa.

Một biểu hiện quan trọng khác, dễ nhận biết các thành viên của một tông tộc đó là nghi lễ tôn giáo chung của dòng họ. Ở người Thái Quý Châu Nghệ Tĩnh nghi lễ này được gọi là *háp quài xê*. Đây là nghi lễ tôn giáo chính, là sinh hoạt tinh thần không thể thiếu được để củng cố thêm các mối quan hệ bên trong dòng họ.

Ngoài việc giúp đỡ nhau về vật chất cũng như tinh thần khi một gia đình nào đó trong

tông tộc gặp khó khăn, phần nào đã đề cập ở trên, về mặt hôn nhân, vai trò của tông tộc cũng thể hiện khá rõ. Trước hết tuân thủ nguyên tắc ngoại hôn (ekzôgam), các thành viên trong tông tộc tuyệt đối không được lấy nhau. Người vi phạm tập tục bị trừng phạt nặng, ngoài việc phải bồi thường cho bản làm lễ cúng thần linh còn bị khai trừ ra khỏi cộng đồng. Tuy vậy, trường hợp này rất ít khi xảy ra. Người bị khai trừ ra khỏi tông tộc bị tước đoạt mọi quyền lợi: không được tham dự nghi lễ tôn giáo chung của dòng họ, không được tông tộc quan tâm giúp đỡ và đòi lại phần ruộng chung mà tông tộc đã chia cho.

Việc dựng vợ gả chồng cho con cái là công việc của từng gia đình nhưng đều phải báo cáo cho trưởng họ, để tránh việc "lấy nhầm" người trong tông tộc. Thường, tộc trưởng cùng với anh em trai về phía mẹ cô gái có vai trò quyết định trong việc cưới xin. Nếu vấn đề ly hôn được đặt ra, mỗi bên vợ, chồng phải báo cáo với trưởng họ của gia đình. Đại diện gia đình và trưởng họ hai bên sẽ gặp nhau thỏa thuận việc chia của cho con theo tập quán pháp quy định. Ở vùng núi Tây Nghệ An, Thanh Hóa quan hệ kinh tế - xã hội không phát triển bằng vùng Tây Bắc, do đó, cho đến nay vai trò của tông tộc trong hôn nhân trên thực tế còn rất quan trọng. Hầu hết các đôi trai gái lấy nhau chỉ cần hai gia đình và hai tông tộc đồng ý với những nghi lễ cưới xin theo truyền thống. Họ có thể bỏ qua mọi thủ tục pháp lý như việc đăng ký kết hôn ở chính quyền địa phương. Cũng như vậy, khi ly hôn chỉ cần có "giấy cầm tay" tức là tờ giấy vợ chồng cam kết bỏ nhau và trao cho nhau là xong, không cần tới sự can thiệp của tòa án. Quyền lợi của phụ nữ, vì vậy bị xâm phạm nghiêm trọng.

Các mối quan hệ qua lại trong đời sống hàng ngày giữa những người thuộc một tông tộc (đảm) ở người Thái cũng như trong một dòng họ của người Tày, Nùng trong các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nửa đầu thế kỷ XX không thể không nảy sinh những hiện tượng tiêu cực. Trong xã hội, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng biểu hiện rõ, thì sự giúp đỡ lẫn nhau trong tông tộc, dòng họ luôn ẩn hiện tính chất bóc lột của người giàu đối với người nghèo. Những người giàu (trước đây là tầng lớp quý tộc phong kiến phía tạo Thái) thường có nhiều ruộng đất để canh tác.

Với số ruộng đất này họ đã sử dụng sức lao động của những người họ hàng đồng tộc.

Cùng với việc xuất hiện và củng cố các mối quan hệ xã hội mới ở các vùng Thái thời kỳ từ sau cách mạng tháng Tám và sau hòa bình lập lại ở miền Bắc, các mối quan hệ dòng họ mờ nhạt nhanh chóng. Tuy nhiên chúng vẫn còn có ảnh hưởng lớn trong khuôn khổ các mối quan hệ qua lại giữa các thành viên của nhóm họ hàng, tông tộc.

Đặc biệt bền vững là các mối quan hệ qua lại giữa những người cùng họ từ các gia đình mới tách ra, cụ thể, giữa bố mẹ và con cái cũng như giữa cha mẹ và những gia đình anh, chị, em. Những người này thường làm nhà sống gần nhau để tiện giúp đỡ nhau trong sản xuất, trông nom con cái v.v... mà đôi khi có nhiều việc một gia đình không thể đảm đương nổi như làm nhà, cưới xin, ma chay, giỗ tết v.v... Rõ ràng, ở đây sự giúp đỡ, hợp tác giữa các gia đình trong dòng họ, tông tộc là truyền thống tích cực. Có thể nói về dòng họ, quan hệ dòng họ và gia đình, làng xã, các mặt tích cực, cũng như tiêu cực của nó ở một số dân tộc gần đây đã có một số công trình đề cập tới và đều thừa nhận là dòng họ, tông tộc có ảnh hưởng lớn đến gia đình.

(1). Kôsven P.O. *Công xã gia đình và tông tộc*. M. 1962. tr.97.

(2). Xem bài của Pershic A.I, trong : *Các dân tộc châu Á và châu Phi* số 5. 1981.

(3) M.V. Krjukov. *Về mối quan hệ giữa tổ chức thị tộc và tông tộc (đặt vấn đề)* Tạp chí Dân tộc học Xô Viết Số 6, 1967, tr.(83-94).

(4). Phan Chí Thành. *Một hình thức "tông tộc" ở người Thái Quỳ Châu Nghệ Tĩnh*. T.C Dân tộc học số 4/1979, tr.46.

(5). Xem: *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 1992, tr. 156-157.

(6). Ở người Thái, mỗi dòng họ, hoặc gia đình lớn đều có một thanh gươm thiêng; còn chõ ninh xôi, theo quan niệm của người Thái, là nơi ma nhà trú ngụ.

(7). Phan Chí Thành - *Một hình thức "tông tộc" ở người Thái Quỳ Châu, Nghệ Tĩnh*. T.C Dân tộc học, số 4/1979, tr.49.

(8). Cầm Trọng - *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, NXB KHXH, H, 1972, tr.176.

(9). Phan Chí Thành. Bài đã dẫn...